

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày: 10/6/2021.  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Công Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hoàng Việt

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Qual -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 324/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Minh T; Sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện do bà Huỳnh Thị H lập ngày 03/12/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày như sau: Bà và ông Trương Minh T kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 29/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường hay cãi nhau với mức độ thường xuyên hơn cho nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà và ông Trương Minh T không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nay bà Huỳnh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trương Minh T; Về con chung, về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn ông Trương Minh T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

\* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 03/12/2020, bà Huỳnh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Minh T có nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Trương Minh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và nguyên đơn Huỳnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H và ông Trương Minh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 29/12/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị H và ông Trương Minh T là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không quan tâm vợ, vợ chồng bất đồng ý kiến thường hay cãi nhau với mức độ thường xuyên hơn cho nên đến tháng 12 năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Huỳnh Thị H làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà H, ông T đoàn tụ với nhau, tuy

nhiên phía ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Huỳnh Thị H và ông Trương Minh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà H xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà H cho rằng không có con chung và ông T cũng không có ý kiến về con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Trương Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Trương Minh T.
- Về con chung: Không có và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005847, ngày 17/12/2020 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, bà Huỳnh Thị H đã thực hiện xong. Ông Trương Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho các đương sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lý Công Minh**